**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG**

# Câu 1: Trình bày nội dung cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930)?

1. Hoàn cảnh lịch sử:

* Từ tháng 6/1929 – 1/1930 ở Đông Dương đã xuất hiện 3 tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Sự ra đời của 3 tổ chức này đã khẳng định khuynh hướng vô sản đang phát triển mạnh mẽ và dần trở thành sự lựa chọn tất yếu của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên việc 3 tổ chức cùng tồn tại song song sẽ dẫn tới tình trạng chia rẽ trong nội bộ phong trào cách mạng và đặt ra yêu cầu phải thành lập 1 Đảng duy nhất.
* Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập hội nghị Hợp nhất Đảng.
* Hội nghị diễn ra từ 6/1 – 7/2/1930 tại Hương Cảng – Trung Quốc.
* Nội dung:

+ Các đại biểu đã tán thành thành lập 1 Đảng duy nhất lấy tên là Đảng cộng sản Việt Nam.

+ Hội nghị đã thông qua các văn kiện, chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, chương trình tóm tắt, điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

+ Hội nghị đã bầu BCH Trung ương lâm thời.

2. Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên:

* Phương hướng chiến lược: Chủ trương làm Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

- Tư sản dân quyền cách mạng chính là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc sau này.

- Thổ địa cách mạng là cuộc cách mạng ruộng đất.

- Xã hội cộng sản là hình thái xã hội tiến bộ của loài người.

Như vậy, trong cương lĩnh chính trị đầu tiên Nguyễn Ái Quốc đã xác định cách mạng Việt Nam sẽ trải qua 2 giai đoạn. Đây là sự vận dụng một cách sáng tạo lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác Lênin vào hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam.

* Nhiệm vụ cách mạng:

- Về chính trị:

+ Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập.

+ Dựng lên chính phủ công- nông- binh.

+ Tổ chức quân đội công nông.

* Về kinh tế:

+ Tịch thu hết những sản nghiệp lớn của tư bản đế quốc chủ nghĩa giao cho chính phủ công – nông – binh quản lý.

+ Tịch thu hết ruộng đất của tư bản đế quốc chủ nghĩa làm của công cho dân cày nghèo.

+ Mở mang công nghiệp và nông nghiệp.

+ Miễn sưu thuế cho dân cày nghèo.

+ Thực hiện ngày làm 8 giờ.

* Về văn hóa, xã hội:

+ Dân chúng được tự do tổ chức.

+ Nam nữ bình quyền.

+ Phổ thông giáo dục theo hướng công – nông hóa.

* Những nhiệm vụ cụ thể nêu trên đều nằm trong 2 nhiệm vụ chính là đánh Pháp giành độc lập dân tộc và đánh phong kiến giành ruộng đất cho dân cày. Trong đó, nhiệm vụ đánh Pháp giành độc lập dân tộc là nhiệm vụ được đặt lên hàng đầu.
* Lực lượng cách mạng:
* Giai cấp công nhân và nông dân là lực lượng chính của cách mạng.
* Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, thanh niên, trung nông, tân Việt để lôi kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với phú nông trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam, bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì đánh đổi, bộ phận nào chưa ra mặt phản cách mạng thì lôi kéo hoặc ít nhất là làm cho họ đứng trung lập.
* Nguyên tắc tập hợp:

Trong khi liên lạc phải rất cẩn thận, không khi nào được nhượng bộ một chút lợi ích gì của công – nông mà đi vào con đường thỏa hiệp, phải đặt quyền lợi của công nhân và nông dân lên trên hết.

* Lãnh đạo cách mạng:
* Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
* Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình và làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.
* Đảng lấy chủ nghĩa Mác Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hoạt động của mình.
* Mối quan hệ cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới:
* Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Vì vậy cần có mối liên hệ mật thiết với nhân dân các dân tộc bị áp bức, với giai cấp vô sản trên thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.
* Phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

3.Ý nghĩa của cương lĩnh:

* Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo.
* Đáp ứng được yêu cầu khách quan của lịch sử, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, thấm đượm tinh thần dân tộc. Độc lập tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh.
* Là ngọn cờ tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân đưa cách mạng Việt Nam giành nhiều thắng lợi.

# Câu 2: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung, ý nghĩa của quá trình chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng giai đoạn 1939-1941?

1. Hoàn cảnh lịch sử:

* Tình hình thế giới:
* Ngày 1/9/1939 phát xít Đức tấn công Ba Lan

Ngày 3/9/1939 Anh, Pháp tuyên chiến với Đức

* Cuộc chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ.
* Thực dân Pháp lao vào cuộc chiến gây ảnh hưởng đến các nước trong hệ thống thuộc địa của Pháp, trong đó có Đông Dương và Việt Nam
* Tình hình trong nước:
* Thực dân Pháp thực hiện chính sách vơ vét bóc lột ở Đông Dương:

+ Về chính trị, quân sự:

Chúng tiến hành phát xít hóa bộ máy nhà nước, tiếp tục thực hiện chính sách trực trị, chia cắt về lãnh thổ, nô dịch về văn hóa, thủ tiêu mọi quyền tự do, dân chủ của nhân dân Đông Dương đạt được trong giai đoạn 1936-1939.

Chúng điên cuồng tấn công Đảng cộng sản và các tổ chức do Đảng lãnh đạo.

Chúng tăng cường bắt phu, bắt lính để phục vụ cho cuộc chiến tranh đang ngày càng ác liệt.

+Về kinh tế:

Thực dân Pháp kiểm soát chặt chẽ mọi nguồn xuất nhập khẩu, ra sức vơ vét sức người sức của để phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc.

* Tháng 9/1940, Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đã cấu kết với Nhật đẩy nhân dân ta vào cảnh một cổ hai tròng, làm cho mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với Pháp, Nhật căng thẳng và gay gắt hơn bao giờ hết.

1. Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.

* Quá trình chuyển hướng chỉ đạo chiến lược được thể hiện trong các văn kiện sau:
* Thông cáo của BCH Trung ương Đảng ngày 29/9/1939 “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”
* Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 6 (11-1939) họp tại Bà Điểm, Hóoc-môn, Gia Định dưới sự chủ trì của Nguyễn Văn Cừ.
* Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 7 (11-1940) họp tại Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh do đồng chí Trường Chinh chủ trì.
* Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) họp tại Pác Bó, Cao Bằng dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc.
* Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược:
* Các hội nghị đã nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu, đòi hỏi phải giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với Pháp và Nhật. Vì vậy nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ đặt lên hàng đầu, nhiệm vụ chống phong kiến được rải ra từng bước, có mức độ để phục vụ nhiệm vụ chống đế quốc.

Hội nghị 8 đã chủ trương tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày” thay bằng khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian cho dân cày nghèo”, “chia lại ruộng đất công cho công bằng và giảm tô, giảm tức”.

* Về vấn đề mặt trận dân tộc thống nhất:

+ Hội nghị 8 xác định vấn đề dân tộc phải được giải quyết riêng ở từng quốc gia trên bán đảo Đông Dương. Vì vậy mỗi nước phải thành lập một mặt trận riêng. Ở Việt Nam thành lập mặt trận Việt Minh để đoàn kết tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc.

+ Hội nghị cũng quyết định đổi tên các hội phản đế thành hội cứu quốc (công nhân cứu quốc, nông dân cứu quốc, thanh niên cứu quốc, …), đồng thời đoàn kết 3 nước Đông Dương để chống kẻ thù chung.

* Về vấn đề hình thức nhà nước: Xác định hình thức nhà nước sau khi độc lập, Hội nghị 8 khẳng định: sau khi cách mạng thành công sẽ đặt tên nước là nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần Tân dân chủ.
* Về vấn đề khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền:

+ Hội nghị 8 quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại.

+ Để đưa khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi cần phải ra sức phát triển lực lượng bao gồm lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, xúc tiến xây dựng căn cứ địa cách mạng.

+ Đồng thời BCH Trung ương Đảng cũng xác định phương châm và hình thức khởi nghĩa là đi từ khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

* Về công tác xây dựng Đảng:

BCH Trung ương Đảng đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng đồng thời chủ trương gấp rút đào tạo cán bộ đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

1. Ý nghĩa của quá trình chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược

* Quá trình chuyển hướng chỉ đạo chiến lược được hoàn chỉnh góp phần giải quyết mục tiêu hàng đầu của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc, đưa đến những chủ trương, sự chỉ đạo đúng đắn để thực hiện mục tiêu đó.
* Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược giúp cho nhân dân ta có đường hướng đúng để tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân.
* Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng giúp công tác chuẩn bị giành độc lập dân tộc diễn ra sôi nổi ở khắp các địa phương trong cả nước, cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng vùng lên đấu tranh giành chính quyền.

# Câu 3: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung, ý nghĩa của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

1. Hoàn cảnh lịch sử

* Từ tháng 9/1945-12/1946 Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra những chủ trương, biện pháp để từng bước đưa nước Việt Nam thoát khỏi tình thế ngàn cân treo sợi tóc.
* Sau khi ký hiệp định sơ bộ 6/3 và tạm ước ngày 14/9 thực dân Pháp với dã tâm cướp nước ta một lần nữa, chúng liên tiếp có những hành động khiêu khích và lấn chiếm lãnh thổ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

+ Ngày 20/11/1946 Pháp đánh Hải Phòng, Lạng Sơn đổ quân lên Đà Nẵng.

+ 7-15/12/1946 Pháp đánh Hải Dương, Nam Định, Thái Nguyên, Bắc Giang.

+ Ngày 17/12/1946 thực dân Pháp gây ra vụ thảm sát tại phố Yên Ninh, Hàng Bún, Hà Nội.

+ Ngày 18/12/1946 thực dân Pháp đã gửi tối hậu thư cho chính phủ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

* Trước tình hình đó, Đảng – đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định phát động cuộc kháng chiến trong toàn quốc. Vào lúc 20 giờ ngày 19/12/1946 đồng loạt các chiến trường trong cả nước nổ súng, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

1. Nội dung đường lối kháng chiến

* Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp được thể hiện trong các văn kiện sau:
* Chỉ thị toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng ngày 12/12/1946
* Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 19/12/1946
* Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của đồng chí Trường Chinh xuất bản 3/1947 và đường lối này được hoàn thiện tại Đại hội II (2/1951).
* Nội dung:
* Mục đích kháng chiến:

+ Kháng chiến chống thực dân Pháp giành độc lập thống nhất thật sự cho Tổ quốc.

+ Bảo vệ thành quả của cuộc cách mạng tháng 8 và phát triển chế độ dân chủ nhân dân.

+ Bảo vệ nền hòa bình của khu vực và thế giới.

* Tính chất của cuộc kháng chiến:

+ Kháng chiến là kế tục sự nghiệp của cuộc cách mạng tháng 8 nhằm giải phóng dân tộc nên nó có tính chất dân tộc giải phóng.

+ Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng từng bước kết hợp thực hiện vấn đề dân chủ trên nền tảng của chế độ dân chủ nhân dân. Vì vậy nó có tính chất dân chủ mới.

* Đường lối kháng chiến:

Là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

+ Kháng chiến toàn dân:

* Kháng chiến toàn dân là cuộc kháng chiến do nhân dân tiến hành
* Xuất phát từ quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, chủ tịch HCM trong tác phẩm “Đường cách mệnh” cũng khẳng định: cách mạng là việc chung của dân chúng chứ không phải việc của một, hai người. Cách mạng chỉ có thể giành thắng lợi nếu huy động được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Từ thực tiễn của lịch sử Việt Nam sẽ khẳng định và chứng minh vai trò sức mạnh của quần chúng nhân dân, “Người chở thuyền cũng là dân, người lật thuyền cũng là dân”. Vì vậy cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp phải là sự nghiệp của toàn dân
* Mục đích: nhằm động viên nhân lực, vật lực và tài lực cho cuộc kháng chiến
* Để toàn dân tham gia kháng chiến Đảng không ngừng củng cố, mở rộng các hình thức mặt trận dân tộc thống nhất, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân. Chủ tịch HCM đã khẳng định: “Bất kì đàn ông, đàn bà không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Bất kì người già, người trẻ hễ là người Việt Nam phải đứng lên đánh thực dân Pháp, thực hiện mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài”.

+ Kháng chiến toàn diện:

* Chiến tranh là cuộc đọ sức giữa ta và địch trên mọi mặt, vì vậy Đảng chủ trương phải tiến hành cuộc kháng chiến toàn diện.
* Kháng chiến toàn diện là cuộc kháng chiến trên mọi lĩnh vực: chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, ngoại giao. Trong đó mặt trận quân sự là mặt trận hàng đầu.
* Mục đích: nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trên mọi mặt trận, phát huy những mặt mạnh, hạn chế những mặt yếu của ta.

+ Kháng chiến lâu dài:

* Xuất phát từ tương quan so sánh lực lượng giữa ta và Pháp. Pháp mạnh, ta yếu, Pháp chủ trương đánh nhanh thắng nhanh. Vì vậy ta phải đánh lâu dài.
* Mục đích: đánh lâu dài nhằm đánh bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp để vừa đánh vừa xây dựng củng cố lực lượng từng bước làm tiêu hao sinh lực của địch, góp phần chuyển hướng tương quan lực lượng từ chỗ ta yếu hơn địch đến chỗ ta mạnh hơn địch và đánh thắng địch.

+ Kháng chiến dựa vào sức mình là chính:

* Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời nhưng chưa được nước nào trên thế giới công nhân, vì vậy kháng chiến tiến hành trong thế bao vây cô lập 4 phía nên Đảng chủ trương phải tự lực cánh sinh.
* Dựa vào sức mình là chính nhằm phát huy ý chí tự lực tự cường của dân tộc. Khi có điều kiện phải tranh thủ sự giúp đỡ ủng hộ của các nước song không ỷ lại vào bên ngoài.

1. Ý nghĩa của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp

* Việc đề ra và thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức ở mức độ cao, buộc chúng phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương.
* Làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương
* Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở miền Nam
* Tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế

# Câu 4: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung đường lối đổi mới về kinh tế của Đảng được đề ra tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 6(12/1986)?

* Hoàn cảnh lịch sử
* Tình hình thế giới:

+ Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật phát triển mạnh mẽ trình độ sản xuất được nâng cao, thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa, các nước chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

+ Các nước XHCN lâm vào khủng hoảng, Trung Quốc, Liên Xô lần lượt tiến hành cải tổ đất nước, trật tự thế giới mới được hình thành do Mỹ cầm đầu.

* Tình hình trong nước:

+ Sau 10 năm xây dựng CNXH đất nước Việt Nam đã đạt được một số thành tựu quan trọng trên các mặt kinh tế, chính trị, xã hội; đã hoàn thành về việc thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, đã giành thắng lợi trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

+ Tuy nhiên do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, nền kinh tế xã hội Việt Nam lâm vào khủng hoảng trầm trọng, đời sống nhân dân khó khăn, lạm phát lên đến mức phi mã xuất hiện các hiện tượng tiêu cực trong xã hội làm ảnh hưởng đến thành quả cách mạng

+ Các thế lực thù địch ra sức chống phá chế độ chính trị ở nước ta. Vì vậy đổi mới đã trở thành đòi hỏi bức thiết với Việt Nam lúc này.

* Nội dung đổi mới:

Với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đại hội 6 của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, trong đó vấn đề đổi mới trên lĩnh vực kinh tế được đề ra như sau:

* Đổi mới nhận thức về thời kỳ quá độ, hình thức và bước đi:

+ Đại hội xác định thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam là cả một quá trình lịch sử tương đối lâu dài, trải qua nhiều chặng đường, hiện nay chúng ta đang ở những năm cuối cùng của chặng đường đầu tiên trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

+ Nhiệm vụ bao trùm mục tiêu tổng quát của những năm còn lại trong chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt trong tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, XHCN ở chặng đường tiếp theo.

+ Mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội của chặng đường đầu tiên là:

* Sản xuất đủ tiêu dùng có tích lũy
* Bước đầu tạo ra một cơ cấu hợp lý nhằm phát triển sản xuất
* Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất
* Tạo ra bước chuyển biến tốt về mặt xã hội
* Củng cố quốc phòng, an ninh
* Đổi mới về kinh tế:

+ Về cơ cấu kinh tế: xây dựng cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp và dịch vụ, trong đó tập trung chú trọng 3 chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hóa ở chặng đường đầu trong thời kỳ quá độ.

+ Về cải tạo xã hội chủ nghĩa: đẩy mạnh cải tạo XHCN là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH với những hình thức và bước đi thích hợp, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế, thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đại hội 6 khẳng định nền kinh tế VN có 4 thành phần kinh tế: kinh tế XHCN (quốc doanh, tập thể, gia đình); kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế tư bản tư nhân.

+ Về cơ chế quản lí kinh tế: Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh kết hợp kế hoạch với thị trường.

* Ý nghĩa của đại hội 6:
* Là mở đầu cho công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước, là Đại hội kế thừa và quyết tâm đổi mới, đoàn kết bền lâu. Đường lối đổi mới của Đại hội VI đã mở đường cho đất nước thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội tiếp tục đi lên chủ nghĩa xã hội.
* Đánh dấu sự trưởng thành của Đảng về bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo của Đảng. Đảng đã nhìn thẳng vào sự thật, vào những sai lầm khuyết điểm và đổi mới theo xu thế mới của thời đại mới
* Là đại hội: “trí tuệ - dân chủ - đoàn kết và đổi mới”.

# Câu 5: Nêu những thành tựu, hạn chế của 30 năm thực hiện đường lối đổi mới?

1. Thành tựu:

* Về kinh tế:
* Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá, đất nước đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình trên thế giới. Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, từng bước được hình thành và phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng:

+ Từ năm 2001-2010 GDP tăng trưởng đạt 7,26%

+ Từ năm 2011-2015 đạt 5,9%

+ Năm 2018 đạt 7,08%

+ Thu nhập bình quân trên đầu người là 2500$

+ Việt Nam là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

* Về chính trị:
* Chính trị ổn định, nhận thức và quá trình phát huy dân chủ XHCN có những chuyển biến tích cực và ngày càng mở rộng, hệ thống chính trị XHCN từng bước được đổi mới để phù hợp với yêu cầu của đất nước trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, công tác xây dựng Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường.
* Về văn hóa – xã hội:
* Đạt được nhiều thành tựu trong giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy các giá trị văn hóa, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên đã hoàn thành phần lớn mục tiêu thiên niên kỉ do Liên hợp quốc đề ra vào năm 2015:

+ Chỉ số phát triển con người năm 2000 là 0,683 đến năm 2008 là 0,733 xếp thứ 100/177 nước tham gia xếp hạng

+ Thu nhập thực tế sau 10 năm gấp 3,5 lần so với năm 2000

+ Chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn năm 2008 là 2 lần.

* Về đối ngoại:
* Quan hệ đối ngoại ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu vị thế và uy tín của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế đóng góp ngày càng tích cực và có trách nhiệm với khu vực và thế giới:

+ Năm 2018, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 188 nước

+ thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 16 nước, đối tác toàn diện với 11 nước

+ tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế lớn.

* Nhận thức về 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kinh tế với quốc phòng an ninh đối ngoại, vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lí của nhà nước đối với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh ngày càng hoàn thiện, sự nghiệp an ninh quốc phòng được giữ vững, xây dựng những khu kinh tế quốc phòng, xây dựng đường biên giới trên bộ và trên biển với các nước liên quan. Những thành tựu đó đã góp phần nâng cao thế và lực của đất nước, tăng cường sức mạnh tổng hợp để bảo vệ Tổ quốc.

1. Hạn chế:

* Công tác tổng kết thực tiễn nghiên cứu lý luận còn bất cập chưa giải quyết được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới, lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH còn một số vấn đề phải tiếp tục làm rõ.
* Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động, chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế xã hội còn thấp.
* Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế, năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh nhất là các vấn đề về xã hội chưa giải quyết hiệu quả còn tiềm ẩn những nguy cơ gây mất ổn định xã hội.
* Bốn nguy cơ mà hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng (1/1994) nêu lên vẫn tồn tại có những mặt diễn biến phức tạp, niềm tin của cán bộ Đảng viên và nhân dân vào Đảng, vào chế độ có mặt bị giảm sút.